

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M'ĐRẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/DS-ST
Ngày 21 tháng 9 năm 2020
“V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Hải;

Các Hội thẩm nhân dân: ông Ngô Trọng Búp, ông Y Đo Niê;

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Y Gon Niê - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020 tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 52/2020/TLST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐST-DS ngày 19 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N. Trụ sở: Số 02, Láng Hạ, phường C, quận B, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T – Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh Chi nhánh huyện M tham gia phiên tòa. Địa chỉ: Số 55, đường N, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Ông T có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Vợ chồng ông Nguyễn Thanh N, sinh năm 1985 bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn 10, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Ông N, bà Ph vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 21/5/2020 và các lời khai của người đại diện cho nguyên đơn trình bày:*

Ngày 26/4/2017, ông Nguyễn Thanh N cùng Ngân hàng N (gọi tắt là Ngân hàng) ký kết hợp đồng tín dụng số 5210-LAV-201700831, theo đó ông N vay Ngân hàng 300.000.000đồng, mục đích vay chăm sóc tiêu, chăn nuôi bò và mua sắm vật dụng gia đình, thời hạn trả nợ ngày 24/4/2018. Lãi suất trong hạn 11%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn.

Để bảo đảm cho khoản vay trên, vợ chồng ông N chị Ph đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số G142/2017/HĐTC ngày 24/4/2017, thế chấp 01 quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất diện tích 7.100m² thửa đất số 296, 300, 301 tờ bản đồ số 12 tại thôn 10, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số BT-441387 do Ủy ban nhân dân huyện M'Đrăk cấp ngày 09/10/2015 cho ông N, bà Ph.

Đến nay vợ chồng ông N bà Ph chưa trả khoản tiền nợ gốc, tiền lãi nào cho Ngân hàng là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu vợ chồng ông N, bà Ph phải trả 452.378.671đồng, trong đó 300.000.000đồng nợ gốc và 152.378.671đồng tiền lãi tạm tính đến ngày 21/9/2020. Từ ngày 22/9/2020 tiếp tục tính lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn trên nợ gốc theo quy định của hợp đồng tín dụng. Nếu vợ chồng ông N, bà Ph không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định của Pháp luật.

* *Tại bản tự khai ngày 26/6/2020 ông Nguyễn Thanh N trình bày:* Ngày 26/4/2017, vợ chồng ông N bà Ph có vay Ngân hàng số tiền 300.000.000đồng và thế chấp GCNQSDĐ để bảo đảm cho khoản vay đúng như nội dung đơn khởi kiện của Ngân hàng. Từ khi vay do vợ chồng làm ăn khó khăn nên chưa trả cho Ngân hàng khoản tiền nào. Vợ chồng ông N chấp nhận trả nợ nhưng đề nghị Ngân hàng gia hạn thêm thời gian trả nợ.

* Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị Ph theo quy định của Pháp luật, nhưng chị Ph không cung cấp cho Tòa án các chứng cứ, tài liệu để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

* *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án; xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự việc thu thập chứng cứ, trình tự giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử (HĐXX) tại phiên tòa: Thực hiện đúng các quy định theo Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS)

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Bị đơn vợ chồng ông N, bà Ph vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt vợ chồng ông N bà Ph là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ, nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: buộc vợ chồng ông N, bà Ph phải trả 452.378.671đồng, trong đó 300.000.000đồng nợ gốc và 152.378.671đồng tiền lãi tạm tính đến ngày 21/9/2020. Từ ngày 22/9/2020 tiếp tục tính lãi trên nợ gốc theo

quy định của hợp đồng tín dụng.

Nếu vợ chồng ông N, bà Ph không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định của Pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn (vợ chồng ông Nguyễn Thanh N, bà Nguyễn Thị Ph) phải trả tiền vay theo hợp đồng tín dụng số 5210-LAV-201700831 ngày 26/4/2017. Bị đơn có nơi đăng ký thường trú tại thôn 10, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng, thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Thủ tục ủy quyền của nguyên đơn là đúng quy định tại Điều 87 BLTTDS. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, không có người đại diện. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

2.1. Hợp đồng tín dụng số 5210-LAV-201700831 ngày 26/4/2017, giữa nguyên đơn và bị đơn giao kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật. Đã quá thời hạn trả nợ, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc và tiền lãi là vi phạm thỏa thuận theo Điều 3 và Điều 6 của hợp đồng. Mặc dù bà Ph không tham gia ký hợp đồng tín dụng nhưng ông Ng và bà Ph là vợ chồng, mục đích vay tiền để phục vụ nhu cầu cho gia đình, nên ông Ng và bà Ph phải có nghĩa vụ trả nợ chung. Yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 280, khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự. HĐXX xét thấy cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 452.378.671đồng, trong đó 300.000.000đồng nợ gốc và 152.378.671đồng tiền lãi tính đến ngày 21/9/2020. Từ ngày 22/9/2020 tiếp tục tính lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn trên nợ gốc theo quy định của hợp đồng tín dụng.

2.2. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số G142/2017/HĐTC ngày 24/4/2017, bị đơn thế chấp cho nguyên đơn quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo GCNQSDĐ số BT-441387 do Ủy ban nhân dân huyện M'Đrăk cấp ngày 09/10/2015 cho ông N, bà Ph đối với diện tích 7.100m² tại thửa số 296, 300, 301 tờ bản đồ số 12 thôn 10, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Việc thỏa thuận trên là hoàn toàn tự nguyện và đúng theo quy định. Kết quả xác minh, hiện bị đơn vẫn

đang quản lý sử dụng toàn bộ diện tích đất nói trên. Vì vậy, nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp theo quy định của luật thi hành án để thu hồi nợ để thực hiện nghĩa vụ của bị đơn trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 299 BLDS năm 2015.

Khi bị đơn thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại cho bị đơn GCNQSD đất số BT-441387 do Ủy ban nhân dân huyện M'Đrăk cấp ngày 09/10/2015 cho ông Ngôn, bà Phụng đối với diện tích 7.100m² tại thửa số 296, 300, 301 tờ bản đồ số 12 thôn 10, xã Ea Lai, huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn phải chịu tiền án phí Dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn là 20.000. 000 đồng + (4% x 52.378.671đồng) = 22.619.000đồng

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 85; Điều 92; Điều 147; khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 137, 138, 299, 322, 323, 325, 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 68 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn vợ chồng ông Nguyễn Thanh N bà Nguyễn Thị Ph phải trả cho Ngân hàng N 452.378.671đồng, trong đó 300.000.000đồng nợ gốc và 152.378.671đồng tiền lãi tính đến ngày 21/9/2020. Từ ngày 22/9/2020 tiếp tục tính lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn trên nợ gốc theo quy định của hợp đồng tín dụng.

Trường hợp ông N, bà Ph thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại cho vợ chồng ông N, bà Ph GCNQSD đất số BT-441387 do Ủy ban nhân dân huyện M'Đrăk cấp ngày 09/10/2015 cho ông N, bà Ph đối với diện tích 7.100m² tại thửa số 296, 300, 301 tờ bản đồ số 12 thôn 10, xã Ea Lai, huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk.

Trường hợp ông N, bà Ph không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số G142/2017/HĐTC ngày 24/4/2017 đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo GCNQSDĐ số BT-441387 do Ủy ban nhân dân huyện M'Đrăk cấp ngày 09/10/2015 cho ông N, bà Ph đối với diện tích 7.100m² tại thửa số 296, 300, 301 tờ bản đồ số 12 thôn 10, xã Ea Lai, huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk.

2. Về án phí:

- Bị đơn vợ chồng ông N, bà Ph phải chịu 22.619.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho Ngân hàng N – Chi nhánh huyện M, tỉnh Đắk Lắk 10.712.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/0003498 ngày 18/6/2020 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện M'Đrăk.

3. Thông báo quyền kháng cáo:

- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án Dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrăk;
- THADS huyện M'Đrăk;
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vũ Thị Hải